

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD5	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
2		P5+TD3	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
3		TD3+GTc1+CTK3	9:25	11+0+11	0+0+0		9+0+13	0+0+0	chuyen 1 gtc1- ctk3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - TD5	CREW: Linh - XTrường - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN ĐUÔNG	CTK3	79	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRINH HUU HIU	CTK3	73-74	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
3	LUU CONG DINH	CTK3	77-78	2	10	42	63	XAYLAP	Vietnamese
4	DO TIEN MANH	CTK3	75-76	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC THACH	TD5	87	1	8		58	D-HANH	Vietnamese
6	DAVYDOV DANIIL	TD5	90	1	5		69	KHOAN	Russian
7	CHUSH MAKSIM	TD5	89	1	7		102	KHOAN	Russian
8	NGUYEN XUAN THE	TD5	82	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN THIEU	TD5	98	1	14	37	85	KHOAN	Vietnamese
10	VY HUNG CUONG	TD5	96	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
11	MAI TRUONG TRUNG	TD5	95	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUAN KHOA	TD5	85	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN MINH TIEN	TD5	92	1	7	45	79	KHOAN	Vietnamese
14	HA VAN PHUC	TD5	79	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
15	HO NGOC LIEM	TD5	91	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	97	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
17	DEDI TAMBA	TD5	83	1	18		109	PVDWS/H	Indonesian
18	NIKITIN NIKOLAI	TD5	88	1	8		90	ANTOAN	Russian
19	DINH VAN THANG	TD5	86	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	DOAN TRUNG KIEN	TD5	81	1	6		61	PSV	Vietnamese
21	LE MINH KHUONG	TD5	80	1	10		83	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN LUONG SON	TD5	84	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	7	57	279	42	3		
2	TD5	18	18	140	1.349	82	19		
TOTAL		22	25	197	1.628	124	22		
WEIGHT KG				197	1.628	124			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/01/2024	TO: P5 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 09:25
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT LỘC	P5	07-08	2	17	33	58	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH TÂM	P5	04-06	3	17		68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO CƯỜNG	P5	22	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P5	09-10	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẦN TRỌNG TUÂN	P5	11	1	7		86	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD3	55	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
7	KOROTKOV VICTOR	TD3	71	1	6		118	KHOAN	Russian
8	GUSEINOV MAXIM	TD3	56	1	6		78	KHOAN	Russian
9	BUI HỮU VŨNG	TD3	63	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU VĂN SƠN	TD3	64,62	2	15	20	62	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	57	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO THANH HAI	TD3	66-67	2	13		99	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TRƯỞNG ANH	TD3	58	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	61	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN CHUNG	TD3	70	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	68	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
17	MAI ĐẠI HAI	TD3	69	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
18	ĐO VĂN QUANG	TD3	53-54	2	12		81	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO ĐỨC THAI	TD3	59	1	19		94	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	TD3	60	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN CƯỜNG	TD3	65	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	9	63	354	33	1		
2	TD3	16	19	155	1.325	20	21		
TOTAL		21	28	218	1.679	53	22		
WEIGHT KG				218	1.679	53			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/01/2024	TO: TD3 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - Huy	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM VAN HANH	TD3	45	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKAROV EVGENY	TD3	40	1	11		87	ANTOAN	Russian
3	HOANG GIANG LAM	TD3					83	PSV	Vietnamese
4	QUACH DAC THAN	TD3	47	1	4		53	PSV	Vietnamese
5	PHAN CHINH QUY	TD3	49	1	6		73	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN	TD3	48	1	3		72	PSV	Vietnamese
7	LE THANH CHAU	TD3	46	1	5		73	PSV	Vietnamese
8	VO DUC NGHIA	TD3	50	1	6		61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VIET TRIEU	TD3	44	1	6		82	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN DUC MANH	TD3	41	1	6		58	PSV	Vietnamese
11	PHAN THANH NAM	TD3	52	1	9		74	PSV	Vietnamese
12	TRAN MINH THANG	TD3	51	1	23		128	KHOAN	Vietnamese
13	VU DINH HUNG	CTK3	84-85	2	24		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN SY TAI	CTK3	86-87	2	27		54	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VAN CHINH	CTK3	83	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
16	DANG QUANG TUAN	CTK3	98	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN BA THANH	CTK3	90-91	2	24		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BO	CTK3	88-89	2	25		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHUOC	CTK3	92-93	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	DOAN CONG MANH	CTK3	94-95	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
21	CHU TIEN DUNG	CTK3	23-24	2	10		89	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN QUANG PHUC	CTK3	96-97	2	21		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	11	89	905	0	9		CHUYEN 1 PAX GTC1-CTK3
2	GTC1	0	0	0	0	0	0 + 1		
3	CTK3	10	18	191	706	0	13		
TOTAL		22	29	280	1.611	0	22		
WEIGHT KG				280	1.611	0			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6-TD5+P1+BK5	7:25	1+7+12+0	0+0+0		1+0+12+6	0+0+0	
2		BK3+P2	9:25	13+8	0+0+0		9+11	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2024	TO: P6 - TD5 - P1 - BK5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BANG	P6	96	1	7		81	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN HUU ĐỨC	TD5	11-12	2	20		80	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAN	TD5	03-04	2	15		57	BAKER HU	Vietnamese
4	VU VAN TUONG	TD5	07-08	2	13		78	BAKER HU	Vietnamese
5	ĐẶNG QUAN MINH	TD5	05	1	9		60	BAKER HU	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH SON	TD5	06	1	10		69	BAKER HU	Vietnamese
7	DUONG KHANH HOANG	TD5	09-10	2	13		82	BAKER HU	Vietnamese
8	HOANG LINH	TD5	900	1	6		61	BAKER HU	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUYEN	P1	42-43	2	20	22	60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN LỘC	P1	44-45	2	20	15	60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHUOC HUNG	P1	39-40	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG KIEN	P1	94	1	19		61	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ THANH LẠC	P1	41	1	9		56	XAYLAP	Vietnamese
14	TẠ TRUNG HIEU	P1	49-50	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN TU	P1	47-48	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN DINH HUNG	P1	97-98	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN CHÍNH ĐƯƠNG	P1	99	1	10	15	66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P1	92-93	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LỘC	P1	46	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
20	VU QUANG DUONG	P1	95-96	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	7	81	0	1		THAO 2 CHO DE CHO HANG
2	TD5	7	11	86	487	0	0		
3	P1	12	20	209	770	52	12		
4	BK5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	32	302	1.338	52	19		
WEIGHT KG				302	1.338	52			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: BK3 - P2	CREW: CHIẾN - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỒNG QUÂN	BK3	83-84	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG BA NAM	BK3	13-15	3	27		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG MINH HIẾU	BK3	70-71	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI THANH TÚ	BK3	76	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	BK3	81-82	2	35		86	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	BK3	79-80	2	24		74	XAYLAP	Vietnamese
7	VĂN TIẾN DUÂN	BK3	68-69	2	24		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	BK3	72	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DINH KY	BK3	77	1	25		63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VINH	BK3	67	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HANH	BK3	66	1	8		70	PSV	Vietnamese
12	PHAN QUÝ DŨNG	P2	13	1	12	30	60	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN BẢO	P2	59-60	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
14	CHÊ NGỌC TÚ	P2	57-58	2	23		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG SY	P2	12	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HUNG	P2	11	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN NGỌC	P2	04-05	2	27		78	XAYLAP	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN NGHĨA	P2	14-15	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN HÙNG	P2	02-03	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC DU	P2	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	11	18	226	770	0	9		THAO 01 GHE DOI CHO HANG
2	P2	9	14	155	621	30	11		
TOTAL		20	32	381	1.391	30	20		
WEIGHT KG				381	1.391	30			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Liệu VSP